

BÁO CÁO
KẾ HOẠCH CHIA SẺ LỢI ÍCH
THỎA THUẬN CHI TRẢ GIẢM PHÁT THẢI
KHÍ NHÀ KÍNH VÙNG BẮC TRUNG BỘ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-BNN-TCLN ngày tháng 02 năm 2023
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

Hà Nội, năm 2023

Danh mục từ viết tắt

ADB	Ngân hàng phát triển Châu Á
BSP	Kế hoạch chia sẻ lợi ích
CIFOR	Trung tâm nghiên cứu lâm nghiệp quốc tế
CPC	UBND cấp xã
DARD	Sở Nông nghiệp và PTNT
DONRE	Sở Tài nguyên và Môi trường
DPC	UBND cấp huyện
GPT	Giảm phát thải
ER-P	Chương trình GPT
ER-PD	Tài liệu chương trình GPT
ERPA	Thoả thuận chương trình GPT
ESMF	Khung quản lý xã hội và môi trường
ESU	Tổ xã hội và môi trường
FGRM/GRM	Cơ chế khiếu nại phản hồi
FME	Các tổ chức quản lý rừng, như: BQLRPH, đặc dụng, Công ty lâm nghiệp
FORMIS	Hệ thống thông tin quản lý lâm nghiệp
FPIC	Tham vấn được thông báo trước, tự nguyện
GHG	Khí nhà kính
GIZ	Tổ chức Hợp tác Phát triển Đức
GOV	Chính phủ Việt Nam
IBRD	Ngân hàng Tái thiết và Phát triển Quốc tế
IDA	Hiệp hội Phát triển Quốc tế
M&E	Giám sát và đánh giá
MARD	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
MOF	Bộ Tài chính
MONRE	Bộ Tài nguyên và Môi trường
MPI	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
NCC	Vùng Duyên hải Bắc Trung bộ
NDC	Đóng góp do quốc gia tự quyết định
NFMS	Hệ thống Giám sát rừng quốc gia
NRAP	Kế hoạch hành động REDD+
PE	Cơ quan thực hiện Chương trình
PEFC	Chương trình xác nhận chứng chỉ rừng
PFES	Chi trả dịch vụ môi trường rừng
PFMB	Ban Quản lý rừng phòng hộ
PFPDF	Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh
PPC	Ủy ban nhân dân tỉnh
PPMU	Ban quản lý dự án tỉnh
SFC	Công ty Lâm nghiệp
SFM	Quản lý rừng bền vững
SIS	Hệ thống thông tin bảo đảm an toàn
SUF/SUFMB	Rừng đặc dụng/ Ban Quản lý rừng đặc dụng
VFCS	Đề án Chứng chỉ rừng Việt Nam
VFD	Dự án Rừng và Đồng Bằng
VND	Tiền Đồng Việt Nam
VNFF	Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam
VWU	Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam
BTB	Bắc Trung Bộ

MỤC LỤC:

I. THÔNG TIN CƠ SỞ.....	4
1.1. GIỚI THIỆU VÙNG CHI TRẢ GPT VÀ REDD+ TẠI VIỆT NAM.....	4
1.1.1. Mục tiêu Chương trình GPT.....	4
1.1.2. Vùng chi trả GPT.....	5
1.1.3. Điều kiện kinh tế xã hội.....	5
1.2. MỤC ĐÍCH CỦA TÀI LIỆU NÀY.....	6
II. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH CHIA SẺ LỢI ÍCH.....	6
2.1. CÁCH TIẾP CẬN.....	6
2.1.1. Tham vấn và thu thập thông tin.....	6
2.1.2. Các quá trình hỗ trợ xây dựng Kế hoạch chia sẻ lợi ích.....	7
2.2. CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH CHIA SẺ LỢI ÍCH.....	8
2.2.1. Nghị định số 107/2022/NĐ-CP.....	10
III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.....	10
3.1. LỢI ÍCH TỪ CHƯƠNG TRÌNH GIẢM PHÁT THẢI.....	10
3.2. ĐỐI TƯỢNG HƯỞNG LỢI VÀ DÒNG TIỀN.....	11
3.2.1. Đối tượng hưởng lợi.....	12
3.2.2. Dòng tiền.....	16
3.2.3. Xác định dòng tiền cho các đối tượng hưởng lợi chính.....	20
3.3. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BỘ, NGÀNH LIÊN QUAN.....	21
3.3.1. Cấp Trung ương.....	21
3.3.2. Quỹ Trung ương.....	23
3.3.3. Cấp tỉnh.....	25
3.4. TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN BSP.....	26
3.4.1. Các hoạt động cấp Trung ương hỗ trợ BSP.....	26
3.4.2. Các hoạt động cấp tỉnh hỗ trợ BSP.....	27
3.5. NGÂN SÁCH THỰC HIỆN BSP, DÒNG TIỀN.....	31
3.5.1. Dự kiến tiền điều phối cho các tỉnh.....	31
3.5.2. Quản lý tài chính.....	34
3.6. XÂY DỰNG NĂNG LỰC, ĐÀO TẠO TẬP HUẤN VÀ CÔNG KHAI.....	36
IV. GIÁM SÁT VÀ BÁO CÁO.....	37
4.1. GIÁM SÁT THỰC HIỆN BSP.....	37
4.1.1. Thông tin cơ sở.....	37
4.1.2. Kinh nghiệm của Quỹ Trung ương về xây dựng bộ chỉ số và hệ thống giám sát và đánh giá.....	37
4.1.3. Các yêu cầu giám sát đánh giá BSP.....	39
4.2. CƠ CHẾ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, PHẢN HỒI.....	40
4.2.1. Tại cấp thôn:.....	41
4.2.2. Tại cấp huyện:.....	41
4.2.3. Tại cấp tỉnh:.....	41
V. CÁC PHỤ LỤC.....	42
5.1. PHỤ LỤC I: BIỂU MẪU THAM GIA HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ RỪNG.....	42
5.2. PHỤ LỤC II: XÁC ĐỊNH SỐ TIỀN THU VÀ CHI TRẢ TỪ ERPA.....	51
5.3. PHỤ LỤC III: MẪU LẬP KẾ HOẠCH.....	52
5.4. PHỤ LỤC IV: TỔNG HỢP THÔNG TIN CÓ LIÊN QUAN.....	65
5.5. PHỤ LỤC V: HOẠT ĐỘNG THAM VẤN, NĂNG LỰC CỦA QUỸ TRUNG ƯƠNG.....	73
5.6. PHỤ LỤC VI: BỔ SUNG VAI TRÒ VÀ TRÁCH NHIỆM TRIỂN KHAI BSP.....	84
5.7. PHỤ LỤC VII: THAM VẤN BỔ SUNG.....	89

BẢNG/ BIỂU:

Bảng 2.1. Căn cứ pháp lý xây dựng BSP	8
Bảng 3.1. Các hoạt động chia sẻ lợi ích	11
Bảng 3.2. Đối tượng hưởng lợi.....	12
Bảng 3.3. Các hoạt động chi trả khác	14
Bảng 3.4. Các hoạt động đóng góp trực tiếp cho giảm phát thải	15
Bảng 3.5. Dự kiến về dòng tiền.....	18
Bảng 3.6. Trách nhiệm các bên trong Kế hoạch chia sẻ lợi ích ở cấp TU	22
Bảng 3.7. Trách nhiệm trong Kế hoạch chia sẻ lợi ích tại cấp tỉnh.....	25
Bảng 3.8. Dự kiến tiền điều phối cho các tỉnh	32
Bảng 3.9. Dự kiến tiền điều phối cho tỉnh theo năm.....	33
Bảng 3.10. Dự kiến số tiền điều phối cho các tỉnh trong kỳ báo cáo I.....	33
Bảng 3.11. Dự kiến số tiền điều phối cho các tỉnh trong kỳ báo cáo 2 và 3	34
Bảng 4.1. Ma trận báo cáo và giám sát đánh giá.....	39
Bảng 5.1. Tổng hợp chủ rừng quản lý rừng tự nhiên	65
Bảng 5.2. Mối tương quan giữa độ che phủ rừng, dân tộc thiểu số và nghèo đói.....	66
Bảng 5.3. Lồng ghép giới trong Kế hoạch chia sẻ lợi ích	70
Bảng 5.4. So sánh các nhóm đối tượng hưởng lợi giữa bản Dự thảo hiện nay và Kế hoạch chia sẻ lợi ích đã ký trước đây	71
Bảng 5.5. Tham vấn trước khi ký ERPA.....	74
Bảng 5.6. Tham vấn các tổ chức phi chính phủ về việc áp dụng Chi trả DVMTR	76
Bảng 5.7. Tham vấn bổ sung cấp cộng đồng năm 2022.....	81
Bảng 5.8. Phân tích năng lực Quỹ Trung ương.....	83
Bảng 5.9. Bảng tổng hợp ý kiến các đơn vị, tổ chức liên quan.....	89

SƠ ĐỒ:

Sơ đồ 1. Sơ đồ điều phối tiền chi trả theo Kế hoạch chia sẻ lợi ích.....	17
Sơ đồ 2. Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Quỹ Trung ương.....	24

CÔNG THỨC:

Công thức 1: Cách tính tiền điều phối hằng năm cho các tỉnh.....	20
Công thức 2: Cách tính tiền chi trả cho chủ rừng.....	21

GIỚI THIỆU CHUNG

Giới thiệu Chương trình Giảm phát thải khí nhà kính

Chương trình Giảm phát thải (GPT) bao gồm toàn bộ Vùng Duyên hải Bắc Trung bộ (BTB) có dân số khoảng 10,5 triệu người (chiếm 12% tổng dân số Việt Nam). Lý do lựa chọn vùng này là căn cứ vào tài nguyên rừng, tầm quan trọng đa dạng sinh học và tình hình kinh tế xã hội.

Ngành lâm nghiệp và công nghiệp chế biến gỗ đóng một vai trò quan trọng trong kinh tế xã hội trong việc tạo việc làm, nâng cao thu nhập và hỗ trợ sinh kế cho khoảng 24 triệu người, đặc biệt là người nghèo và dân tộc thiểu số sống trong và gần rừng ở Việt Nam. Rừng là cốt lõi của các cam kết quốc tế về biến đổi khí hậu của Việt Nam và Việt Nam đã bước qua giai đoạn bảo tồn rừng chuyển sang bảo vệ rừng và sử dụng rừng bền vững.

Cách tiếp cận và thiết kế tổng thể của Chương trình GPT để giải quyết các nguyên nhân cơ bản gây mất rừng và các rào cản đối với quản lý rừng bền vững (QLRBV) và tăng cường rừng là xây dựng và hỗ trợ việc thực hiện các sáng kiến và chính sách quốc gia và vùng tại khu vực Bắc Trung Bộ, trong khi ở cấp cơ sở Quỹ Bảo vệ và Phát triển Rừng Việt Nam (Quỹ Trung ương) sẽ tham gia và khuyến khích đối thoại giữa người sử dụng rừng và các Đơn vị quản lý rừng (FME) địa phương để đạt được quản lý rừng bền vững.

Chương trình GPT vùng BTB bao gồm 5,1 triệu ha (16% tổng diện tích tự nhiên của Việt Nam) và thuộc 6 tỉnh - Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế. Vùng BTB chiếm phần lớn diện tích rừng thường xanh lá rộng còn lại của đất nước và là nơi sinh sống của 13 nhóm dân tộc thiểu số. Diện tích rừng trong vùng BTB có đặc điểm là rừng tự nhiên bị suy thoái, phần lớn do Nhà nước, cộng đồng dân cư quản lý và phần đáng kể là rừng trồng lấy gỗ.

Thỏa thuận chi trả giảm phát thải (ERPA) nhằm chuyển nhượng 10,3 triệu tấn các-bon đi-ô-xít đã được ký kết vào ngày 22 tháng 10 năm 2020 giữa Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NN&PTNT) với tư cách là Cơ quan thực hiện Chương trình và Ngân hàng Tái thiết và Phát triển Quốc tế (IBRD) là đơn vị được Quỹ Đối tác Các-bon Lâm nghiệp (FCPF) ủy thác.

Mục đích của Kế hoạch chia sẻ lợi ích

Kế hoạch Chia sẻ Lợi ích (BSP) được thiết kế để đảm bảo tiền chi trả dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng được chia sẻ giữa các bên liên quan tham gia Chương trình GPT theo cơ chế, nguyên tắc rõ ràng, hiệu quả và minh bạch, với sự hỗ trợ của tất cả các bên liên quan và cộng đồng. Việc thiết kế và thực hiện BSP cho Chương trình GPT tuân thủ các quy định hiện hành của Việt Nam.

Nguyên tắc của Kế hoạch chia sẻ lợi ích

Cộng đồng dân cư được kỳ vọng sẽ được hưởng lợi nhiều nhất; tỷ lệ % lợi ích được phân bổ cho cộng đồng chiếm phần lớn trong tổng số tiền chi trả giảm phát thải nhận được. Đối tượng được hưởng lợi theo BSP bao gồm các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng có các hoạt động liên quan đến giảm phát thải khí nhà kính từ rừng tự nhiên tại 6 tỉnh tham gia thuộc khu vực Bắc Trung Bộ, cụ thể:

- Chủ rừng quy định tại Điều 8 của Luật Lâm nghiệp được Nhà nước giao quản lý rừng tự nhiên;
- Ủy ban nhân dân (UBND) xã và các tổ chức khác được nhà nước giao quản lý rừng tự nhiên theo quy định của pháp luật;
- Cộng đồng dân cư, UBND xã ký Thỏa thuận tham gia quản lý rừng với chủ rừng là tổ chức như Ban quản lý rừng đặc dụng (BQLRĐD), Ban Quản lý rừng phòng hộ;
- Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng các tỉnh (Quỹ tỉnh) trong vùng BTB;
- Các đối tượng khác tham gia vào việc giảm phát thải CO₂ vùng BTB.

Căn cứ pháp lý của Kế hoạch chia sẻ lợi ích

Có khung chính sách và pháp lý toàn diện hỗ trợ BSP và chủ yếu căn cứ vào Nghị định số 107/2022/NĐ-CP ngày 28/12/2022 của Chính phủ về thí điểm chuyển nhượng kết quả GPT và quản lý tài chính ERPA (Nghị định số 107/2022/NĐ-CP), Luật Lâm nghiệp (2017), Kế hoạch hành động REDD+ quốc gia (Quyết định số 419/QĐ/TTg) và Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025 (Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 05/8/2021; Quyết định số 809/QĐ-TTg ngày 12/7/2022); Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 (Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021). Quỹ Trung ương được Tổng cục Lâm nghiệp giao làm đầu mối thực hiện BSP và chi trả dịch vụ môi trường rừng (DVMTR). Chính sách chi trả DVMTR, cũng liên quan đến BSP, được quy định trong Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp (Nghị định số 156/2018/NĐ-CP). Quỹ Trung ương chịu trách nhiệm báo cáo Tổng cục Lâm nghiệp và Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

Thực hiện Kế hoạch chia sẻ lợi ích

Quỹ Trung ương được thành lập năm 2008 để thực hiện Chính sách chi trả DVMTR nhằm mục đích hỗ trợ phát triển rừng bền vững ở Việt Nam và sẽ là đơn vị thực hiện BSP. Chính sách chi trả DVMTR của Việt Nam là một trong số rất ít các chính sách chi trả dịch vụ hệ sinh thái rừng trên thế giới được thực hiện trên phạm vi toàn quốc và là chính sách duy nhất cho đến nay ở Đông Á. Chính sách chi trả DVMTR được thí điểm từ năm 2008 và thực hiện trên toàn quốc từ

năm 2011, chủ yếu nhằm khuyến khích và hỗ trợ tài chính cho nỗ lực của các chủ rừng và cơ quan quản lý lâm nghiệp ở Việt Nam trong việc bảo vệ và quản lý rừng, từ đó cung cấp các dịch vụ môi trường rừng bao gồm bảo vệ rừng đầu nguồn, bảo tồn đa dạng sinh học và hấp thụ, lưu giữ các-bon. Tiền DVMTR đóng trò quan trọng trong việc hỗ trợ tài chính cho ngành lâm nghiệp Việt Nam, chiếm 29% tổng đầu tư vào lâm nghiệp năm 2019. Quỹ Trung ương đã được hỗ trợ nâng cao năng lực từ các tổ chức như GIZ, ADB, CIFOR và USAID và có kinh nghiệm làm việc tại trên 45 tỉnh đã thành lập Quỹ tỉnh. Quỹ Trung ương đã xây dựng hệ thống giám sát và đánh giá phù hợp để thực hiện chi trả DVMTR và điều này sẽ phù hợp với việc giải ngân tiền ERPA. Quỹ Trung ương đang mở rộng việc sử dụng các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt (giao dịch điện tử) nhằm tăng tính minh bạch và hiệu quả của quy trình thanh toán, đồng thời giảm thiểu rủi ro trong giao dịch tiền mặt và dự kiến các phương thức này sẽ được sử dụng trong BSP. Quỹ Trung ương đã phát triển một hệ thống giám sát và đánh giá toàn diện cho chi trả DVMTR và điều này sẽ tạo cơ sở cho việc giám sát và báo cáo về BSP. Quỹ Trung ương phải báo cáo tình hình chi trả DVMTR trên toàn quốc và có một bộ chỉ số được sử dụng ở cấp cộng đồng để giám sát, đánh giá và phản hồi về việc thực hiện. Đã có cơ chế phản hồi và giải quyết khiếu nại và đã được sử dụng trên thực tế cho chi trả DVMTR.

I. THÔNG TIN CƠ SỞ

1.1. Giới thiệu Vùng chi trả GPT và REDD+ tại Việt Nam

Chương trình Giảm phát thải bao gồm toàn bộ Vùng Duyên hải Bắc Trung Bộ (BTB), có tổng diện tích đất là 5,1 triệu ha chiếm khoảng 16% của Việt Nam và có dân số khoảng 10,5 triệu người (chiếm 12% của tổng dân số Việt Nam). Lý do chọn vùng này là do tài nguyên rừng, tầm quan trọng đa dạng sinh học và tình hình kinh tế xã hội. Vùng này có 5 hành lang bảo tồn được quốc tế công nhận và có tỷ lệ hộ nghèo trên đầu người cao nhất trong cả nước: gần 1/3 (29%) trong số 10,5 triệu người trong vùng đang sống dưới mức chuẩn nghèo quốc gia. Đây là vùng đồi núi đại diện cho các vùng miền núi khác trong cả nước và nhu cầu phát triển bền vững cụ thể ở các vùng này dựa trên phát triển nông nghiệp, quản lý, phục hồi và bảo vệ rừng bền vững.

Ngành lâm nghiệp và ngành công nghiệp chế biến gỗ đóng một vai trò quan trọng trong kinh tế xã hội trong việc tạo việc làm, nâng cao thu nhập và hỗ trợ sinh kế cho khoảng 24 triệu người, đặc biệt là người nghèo và dân tộc thiểu số sống trong và gần rừng ở Việt Nam. Rừng là cốt lõi của các cam kết quốc tế về biến đổi khí hậu của Việt Nam và Việt Nam đã qua giai đoạn bảo tồn rừng và đang hướng tới bảo vệ rừng và sử dụng rừng bền vững. Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) của Việt Nam đã được đệ trình lên UNFCCC vào năm 2015, cập nhật vào năm 2020. Theo đó, bằng nguồn lực trong nước đến năm 2030 Việt Nam sẽ giảm 9% tổng lượng phát thải KNK (và có thể được nâng lên 27% khi nhận được sự hỗ trợ từ quốc tế) so với kịch bản Thông thường (BAU).. Cam kết giải quyết vấn đề biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường được ghi trong hiến pháp và được sự ủng hộ của Đảng Cộng sản Việt Nam và Thủ tướng Chính phủ. Biến đổi khí hậu được lồng ghép vào các kế hoạch phát triển quốc gia, thúc đẩy mạnh mẽ các cải tiến trong quản lý rừng, bảo tồn và nâng cao trữ lượng các-bon rừng. Chương trình hành động REDD + Quốc gia 2017-2030 đã được thông qua cung cấp một khuôn khổ các ưu tiên cho REDD +. Luật Lâm nghiệp được thông qua vào tháng 11 năm 2017 bao gồm một số nội dung quan trọng để thực hiện hiệu quả REDD +. Luật Lâm nghiệp phản ánh những thay đổi trong quản lý rừng để giúp giải quyết tình trạng suy thoái rừng ngày càng tăng và suy giảm đa dạng sinh học của Việt Nam.

1.1.1. Mục tiêu Chương trình GPT

Mục tiêu của Chương trình GPT là khuyến khích giảm tình trạng mất rừng, suy thoái rừng và nâng cao trữ lượng các-bon rừng (REDD+) ở khu vực BTB thông qua chi trả giảm phát thải khí nhà kính đã được thẩm định và đảm bảo các khoản chi trả được phân phối theo phương án chia sẻ lợi ích đã thỏa thuận.

Thiết kế tổng thể của Chương trình GPT

Cách tiếp cận và thiết kế tổng thể của Chương trình GPT để giải quyết các nguyên nhân cơ bản dẫn đến mất rừng, các rào cản đối với quản lý rừng bền vững và phát triển rừng rừng là xây dựng và hỗ trợ việc thực hiện các sáng kiến và chính sách quốc gia và địa phương đầy tham vọng hiện nay trong vùng BTB, trong khi ở cấp cơ sở, Quỹ tỉnh tham gia và khuyến khích đối thoại giữa người sử dụng rừng và chủ rừng địa phương để đạt được và hỗ trợ quản lý rừng bền vững. Chương trình GPT sẽ hỗ trợ tạo điều kiện để giảm phát thải và các hoạt động theo ngành, tập trung vào rừng và lĩnh vực nông nghiệp.

Việc thiết kế Chương trình GPT (đã góp phần vào việc xây dựng BSP) là kết quả của quá trình tham vấn các bên liên quan toàn diện bao gồm tất cả các tỉnh vùng BTB, bao gồm các cuộc họp cấp thôn với các hộ gia đình, thảo luận nhóm tập trung đặc biệt với phụ nữ, hội thảo, khảo sát rừng có sự tham gia của người dân, đánh giá tài nguyên thiên nhiên, phỏng vấn và điều tra lấy mẫu định lượng của 102 xã (trên 3.000 hộ gia đình) tập trung vào sự phụ thuộc vào rừng, nương rẫy, nghèo đói và sinh kế của các hộ gia đình, chủ yếu là người dân tộc thiểu số tại 6 tỉnh vùng Bắc Trung Bộ (BTB). Các cuộc tham vấn nhằm tìm hiểu quan điểm của người dân địa phương về các cơ hội và hạn chế phát sinh từ việc tiếp cận và sử dụng tài nguyên rừng và đất, bao gồm cả xung đột sử dụng đất có thể xảy ra và an ninh sinh kế của họ. Bằng cách này, một bức tranh về thách thức và chi phí cơ hội của các hoạt động REDD+ tiềm năng ở các địa phương đã được hình thành. Dữ liệu định tính thu được thông qua các quá trình này đã được sử dụng trong việc thiết kế chương trình tổng thể và cách tiếp cận Cơ chế chia sẻ lợi ích, tiền thân của Kế hoạch chia sẻ lợi ích. Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (NN&PTNT) là Cơ quan chủ quản Chương trình GPT (cơ quan thực hiện là Tổng cục Lâm nghiệp và Quỹ Trung ương) chịu trách nhiệm thực hiện Chương trình GPT. Bộ NN&PTNT có kinh nghiệm thực hiện các dự án do IDA tài trợ từ năm 1995. Bộ NN&PTNT sẽ phối hợp với các bộ và cơ quan liên quan để thực hiện chương trình trong khu vực BTB. Chương trình GPT được thực hiện trong giai đoạn 2020-2025.

1.1.2. Vùng chi trả GPT

Vùng chi trả GPT có tổng diện tích đất là 5,1 triệu ha (chiếm 16% tổng diện tích tự nhiên của Việt Nam) và được quản lý bởi sáu tỉnh gồm Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế, với dân số khoảng 10,5 triệu người (chiếm 12% tổng dân số Việt Nam). Khu vực BTB chiếm phần lớn diện tích rừng thường xanh lá rộng còn lại của Việt Nam và là nơi sinh sống của 13 nhóm dân tộc thiểu số. Diện tích rừng ở vùng BTB có đặc điểm là rừng tự nhiên bị suy thoái, hầu hết do hà nước, cộng đồng dân cư quản lý và một phần đáng kể là rừng trồng lấy gỗ.

1.1.3. Điều kiện kinh tế xã hội

Sự phụ thuộc vào rừng là một yếu tố quan trọng đối với đối tượng hưởng lợi chính và các bên liên quan, từ những hộ nghèo nhất và dễ bị tổn thương nhất,

các hộ gia đình dân tộc thiểu số sống phụ thuộc vào rừng. Việc xác định các đối tượng hưởng lợi tiềm năng khác bao gồm Ban quản lý rừng, Công ty lâm nghiệp, cộng đồng dân cư sống phụ thuộc vào rừng và các tác nhân bên ngoài rừng có tác động đến độ che phủ rừng là rất quan trọng.

1.2. Mục đích của tài liệu này

Kế hoạch chia sẻ lợi ích từ ERPA là một phần không thể tách rời của Thỏa thuận chi trả GPT (ERPA). Việt Nam hy vọng việc gắn kết chia sẻ lợi ích với quản lý rừng sẽ khuyến khích các cá nhân và cộng đồng quản lý và bảo vệ rừng bền vững bằng cách bù đắp cho những nỗ lực của họ.

II. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH CHIA SẺ LỢI ÍCH

2.1. Cách tiếp cận

BSP đưa ra các nguyên tắc chính bao gồm các phương thức phân bổ lợi ích, như phân bổ cố định, trực tiếp hoặc gián tiếp. BSP khuyến khích sự tham gia tích cực của tất cả các bên liên quan ở các cấp độ khác nhau để đóng góp vào các mục tiêu GPT. Thiết kế của BSP dựa trên khung pháp lý về quản lý rừng ở Việt Nam và các thông lệ tốt nhất như: lồng ghép với các sáng kiến đang thực hiện khác, sử dụng cơ cấu tổ chức hiện có và nâng cao năng lực. BSP mô tả chức năng của các bên liên quan và điều kiện nhận tiền chi trả từ chuyển nhượng kết quả GPT. Việc phân bổ lợi ích trực tiếp được áp dụng cho các bên liên quan ở cấp Trung ương và cấp tỉnh nhằm hỗ trợ việc xây dựng chính sách, trong khi việc phân bổ lợi ích dựa trên kết quả được áp dụng cho các bên liên quan ở cấp địa phương.

BSP đảm bảo rằng các lợi ích các-bon được phân bổ giữa các đối tượng hưởng lợi ở các cấp độ khác nhau một cách minh bạch và công bằng với hiệu lực, hiệu quả, dân chủ, linh hoạt và toàn diện thông qua quá trình tham vấn phù hợp với tất cả các bên liên quan và cộng đồng dân cư.

2.1.1. Tham vấn và thu thập thông tin

Đã tổ chức nhiều cuộc tham vấn rộng rãi về hình thức và loại BSP trong quá trình xây dựng Chương trình GPT bao gồm họp với nhiều bên liên quan ở tất cả các cấp. Một phần quan trọng của Đánh giá Môi trường và Xã hội Chiến lược (SESA) liên quan đến việc tham vấn nhiều bên liên quan từ cộng đồng đến người thực hiện và hoạch định chính sách, những người có thể tham gia hoặc bị ảnh hưởng từ các hoạt động và chương trình REDD+. Ở cấp thôn và xã, nhóm chuẩn bị BSP đã sử dụng phương pháp thảo luận nhóm tập trung để tham khảo ý kiến cộng đồng dân cư, đặc biệt tập trung vào người dân tộc thiểu số, lãnh đạo thôn, xã và tất cả các cuộc tham vấn đều được ghi chép lại. Các cuộc tham vấn gần đây nhất diễn ra từ tháng 5 năm 2021 đến tháng 3 năm 2022, trong đó Bộ NN&PTNT đã gửi văn bản tham vấn 6 tỉnh. Đợt tham vấn cấp cao gần nhất là